TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2018/HSST
Ngày: 29/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Nguyệt;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh;

2. Ông Lê Cát Tưởng;

- Thư ký phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà*:*
Bà Lê Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 348/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2018 theoQuyết định đưa vụ án ra xét xử số:268/ 2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Trần Trọng D** sinh năm 1987, tại Thanh Hóa, Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị Q; tiền án: Ngày 26/11/2014 Tòa án nhân dân thị xã Sầm Sơn xử 30 tháng tù giam tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/12/2016; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 5/10/2006 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản, thời gian thử thách 15 tháng. Ngày 20/2/2009 Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương xử Trần Trọng D 36 tháng tù giam tội Trộm cắp tài sản

Bị caó bị tạm giữ từ ngày 20/4/2018, tạm giam 26/4/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Chu Đình Đ, sinh ngày 30/10/1995 tại Thanh Hóa; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn C, xã Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Đình T và bà Nguyễn Thị H; tiền án: không; tiền sự: không. Bắt tạm giữ ngày 25/5/2018 chuyển tạm giam 28/5/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: 1. Chị Hoàng Vũ Băng B – Sinh năm: 1998 (Vắng mặt)
ĐKHKTT: xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
Hiện nay ở: phường Q, TP T.

2. Chị Bùi Phương T - Sinh năm 1994 (Vắng mặt)
ĐK HKTT: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

3. Anh Tống Văn P - Sinh năm 1997 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu sài nên Trần Trọng D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, D chuẩn bị sẵn 01 van phá khóa hình chữ T cất trong người. Khoảng 12h ngày 29/12/2017 Trần Trọng D nhờ Chu Đình Đ chở lên thành phố T, Đ mượn xe mô tô Sirus màu đen không biển kiển soát của Trần Trọng T2 sinh năm 1988 ở Phố M, xã Q, thành phố T chở D đi. Khi lên thành phố T thấy D chỉ đường đi loanh quanh lâu nên Đ hỏi D " Anh đi nhảy xe à ?" tức là đi trộm cắp xe, D trả lời " ừ". Khi đi qua khu nhà trọ 4 tầng ở phường Q, thành phố T, D bảo Đ đứng ngoài chờ, còn D một mình đi vào trong khu nhà trọ, quan sát không có người mà thấy 01 xe mô tô honda Wave anpha BKS 36K5 – 127.35 của chị Hoàng Vũ Băng B để ở ngoài cùng của dãy trọ, D dùng van phá khóa mở khóa xe rồi dắt xe ra ngoài. Sau đó cùng Đ điều khiển xe về nhà Đ, trên đường đi D tháo biển số xe vứt ở dọc đường, đồng thời điện thoại cho T2 đến nhà Đ. Khi về đến nhà Đ, gặp T2, D nói với T2 đây là xe của em vừa trộm cắp được trên thành phố, nhờ T2 đi cầm cố. T2 đồng ý sau đó T2 và Đ mang xe xuống nhà anh Lê Xuân H sinh năm 1989 ở xã Q, thành phố T cầm cố lấy 4.500.000đ, số tiền này T2 đưa hết cho D, D cho T2 1.000.000đ, cho Đ 1.000.000đ, số tiền còn lại D ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 19/01/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thanh Hóa đã định giá xe mô tô Honda Wave anpha BKS 36K5 – 127.35 trị giá 14.400.000đ. Quá trình điều tra T2, Đ khai mang đến cầm cố cho anh Lê Xuân H lấy 4.500.000đ tuy nhiên anh H không thừa nhận cần cố xe cho T2, Đ do đó chưa

thu hồi được xe. Chị Hoàng Vũ Băng B yêu cầu bồi thường giá trị xe cho chị là 14.400.000đ.

Ngoài ra Trần Trọng D còn các hành vi phạm tội như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 6h ngày 07/01/2018 D một mình đến khu trọ ở phố 1, phường Q, thành phố T quan sát không thấy có người, D nhìn thấy 01 xe mô tô Honda Vision BKS 36B4 – 0347.92 của chị Bùi Phương T sinh năm 1994, HKTT thôn M, xã M, huyện N đang dựng ngoài hành lang, D dùng van phá khóa mở xe rồi điều khiển xe chạy về hướng xã Q, thành phố T trên đường đi D tháo biển số xe vứt dọc đường rồi điều khiển xe đến nhà anh Nguyễn Ngọc S sinh năm 1975 ở xã Q, thành phố T cầm cố lấy 5.000.000 đồng, số tiền trên D ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 06/02/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thanh Hóa đã định giá xe mô tô Honda Vision màu trắng BKS 36B4 – 347.92 trị giá 19.000.000đ.

Ngày 20/4/2018 sau khi biết đây là xe do hành vi phạm tội của D mà có nên anh Nguyễn Ngọc S đã tự nguyện lên giao nộp lại xe cho cơ quan CSĐT công an thành phố Thanh Hóa. Ngày 10/7/2018 cơ quan CSĐT công an TP Thanh Hóa đã trả lại xe cho chị H, chị H, T không có yêu cầu gì về dân sự.

Vụ thứ 2: Với thủ đoạn trên vào khoảng 8h30’ ngày 12/3/2018 D bắt xe taxi hãng M do anh Lê Trọng H2 sinh năm 1998 ở xã Q, huyện Q điều khiển đến trường Đại học C cơ sở xã Q, thành phố T, khi đi qua dãy nhà trọ bên hông trường quan sát không có người, D bảo H2 dừng xe chờ còn D đi vào trong khu nhà trọ quan sát thấy phòng trọ của anh Tống Văn P có tài sản bên trong nên D lấy 01 chốt cửa phòng bên cạnh phá khóa vào trong lấy 01 balo màu đỏ của anh P mang ra xe taxi bảo H2 chở lên phố M, lên xe D mở ba lô ra thấy bên trong có 01 máy tích laptop hiệu Dell, 01 ví da bên trong ví có 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Tống Văn P, 01 đăng ký xe mang tên Tống Văn K, 2.000.000đ tiền VNĐ và 01 chìa khóa xe mô tô, D nghĩ đây là chìa khóa của xe mô tô đang dựng ở trong phòng trọ nên D bảo H2 điều khiển xe quay lại khu nhà trọ. D vào trong phòng của P dùng chìa khóa mở xe mô tô Wave RSX biển kiểm soát 36B3 – 07958 màu đỏ đen, rồi điều khiển xe vào trong thị xã H, tỉnh Nghệ An. Trên đường đi D vào 01 cửa hàng điện tử ở ven đường bán 01 máy tính laptop được 3 triệu đồng sau đó D gặp một người bạn nghiện tên là Q (không rõ địa chỉ cụ thể). D đưa xe mô tô Wave RSX biển kiểm soát 36B3 – 07958 nhờ Q đi mua thẻ điện thoại để chơi game, D ngồi chờ mãi không thấy Q về nên D quay về Thanh Hóa.

Ngày 28/3/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thanh Hóa đã định giá: Xe mô tô Honda Wave RSX BKS 36B3 – 079.58 trị giá 15.000.000đ; 01 máy tính laptop Dell trị giá 7.000.000đ.

Sau khi trộm cắp được tài sản của anh Tống Văn P, D mang vào thị xã H, tỉnh Nghệ An giao cho một người tên Q (không biết địa chỉ cụ thể) nên không thu hồi được tài sản. Anh P yêu cầu D bồi thường cho anh tổng giá trị tài sản là 24.000.000đ (giá trị máy tính laptop, xe mô tô và 2.000.000đ) còn đối với 01 ví da, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Tống Văn P, 01 đăng ký xe mang tên Tống Văn K có giá trị không lớn nên P không yêu cầu bồi thường.

Đối với van phá khóa hình chữ T, D làm công cụ phạm tội, sau khi phạm tội D làm mất do đó không thu hồi được.

Hai biển số xe mô tô 36K5 – 127.35, 36B3- 079.58 sau khi trộm cắp được xe mô tô, D đã tháo biển số ném ở dọc đường, nhưng D không nhớ ném ở đâu do đó không thu hồi được.

Sau khi khởi tố Trần Trọng T2 về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, T2 đã không có mặt tại địa phương cơ quan CSĐT công an thành phố Thanh Hóa đã tra quyết định truy nã đối với T2. Do thời hạn điều tra đã hết nên Cơ quan CSĐT công an TPTH tách vụ án và tạm đình chỉ vụ án, bị can đối với T2 khi nào bắt được T2 sẽ tiếp tục điều tra xử lý.

Tại bản cáo trạng số 259/ CT –VKS- SH ngày 04/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá truy tố bị cáo Trần Trọng D về tội " Trộm cắp tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS 1999. Chu Đình Đ về tội " Trộm cắp tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 138 BLHS 1999.

Trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: điểm e khoản 2 Điều 138BLHS năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g,h khoản 1Điều 52, Điều 38 BLHS năm 2015 sửa đổi năm 2017

Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Trần Trọng D từ 42 tháng đến 48 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, điểm s,i khoản 1Điều 51, Điều 38, Điều 58 BLHS năm 2015 đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Chu Đình Đ từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù .

Về trách nhiệm dân sự : Áp dụng 589 BLDS

Công nhận bị hại chị Bùi Phương T đã nhận lại tài sản.

Buộc bị cáo Trần Trọng D và Chu Đình Đ phải liên đới bồi thường tài sản cho chị Hoàng Vũ Băng B 01 xe mô tô honda Wave anpha trị giá thành tiền là14.400.000đ.

Buộc bị cáo Trần Trọng D phải bồi thường cho anh Tống Văn P tài sản 01 xe mô tô Wave RSX trị giá 15.000.000đ; 01 máy tính laptop Dell trị giá 7.000.000đ và tiền 2.000.000. Tổng bồi thường cho anh P 24.000.000đ.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân : Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội cụ thể: 12h ngày 29/12/2017 Trần Trọng D đã mang theo vam phá khóa, cùng Chu Đình Đ trộm cắp 01 xe mô tô honda Wave anpha BKS 36K5 – 127.35 của chị Hoàng Vũ Băng B, trị giá xe 14.400.000đ, sau đó nhờ T2 đi cầm cố. T2 đồng ý sau đó T2 và Đ mang xe xuống nhà anh Lê Xuân H sinh năm 1989 ở xã Q, thành phố T cầm cố lấy 4.500.000đ, số tiền này T2 đưa hết cho D, D cho T2 1.000.000đ, cho Đ 1.000.000đ, số tiền còn lại D ăn tiêu cá nhân hết.

Ngoài ra từ ngày 07/01/2018 đến 12/3/2018 một mình D đến dãy nhà trọ khu phố 1 phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa trộm cắp của chị Bùi Phương T sinh năm 1994, HKTT thôn M, xã M, huyện N 01 xe mô tô Honda Vision BKS 36B4 – 0347.92 trị giá 19.000.000đ và đến khu nhà trọ bên hông trường Đại học C cơ sở xã Q, thành phố T trộm cắp của anh Tống Văn P sinh năm 1997 ở thôn X xã D huyện T 01 máy tích laptop hiệu Dell trị giá 7.000.000 đồng 2.000.000đ tiền VNĐ, 01 xe mô tô Wave RSX biển kiểm soát 36B3 – 07958 trị giá 15.000.000 đồng. Tổng 2 lần trộm cắp giá trị tài sản 43.000.000đ

[3] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của những người bị hại, người liên quan, tang vật và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Trọng D có đủ dấu hiệu cấu thành tội " Trộm cắp tài sản ", tội danh và khung hình phạt được qui định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của BLHS năm 1999. Hành vi của Chu Đình Đ có đủ dấu hiệu cấu thành tội " Trộm cắp tài sản ", tội danh và khung hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999. Vì vậy VKSND thành phố Thanh Hóa truy tố các bị cáo, cơ quan điều tra khởi tố các bị cáo về hành vi phạm tội và tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự an ninh vì vậy cần phải xử lý nghiêm mới có tính giáo dục và phòng ngừa.

[4] Trong vụ án này các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc kỹ lưỡng mà hiểu ý nhau và cùng thực hiện tuy nhiên cũng cần áp dụng điều 58 BLHS để đánh giá hành vi phạm tội và xem xét mức hình phạt đối với từng bị cáo.

[4.1] Bị cáo D là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, chuẩn bị vam phá khóa, D cũng là người được sử dụng số tiền cầm cố xe trộm cắp nhiều. Ngoài ra D còn một mình thực hiện thêm 02 lần trộm cắp tài sản. Trị gía tài sản mà D chiếm đoạt là 57.400.000 đồng, vì vậy bị cáo giữ vai trò chính và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn Đ. Còn bị cáo Đ có vai trò giúp sức, trở bị cáo D đi thực hiện hành vi trộm cắp, đứng ngoài chờ và sau đó cùng T2 mang xe đi cầm cố và cũng được ăn chia một phần tiền cầm cố xe tài sản Đ chiếm đoạt cùng D 01 xe mô tô trị giá 14.400.000 đồng.

Bị cáo D đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần. Vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm g,h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Đối với bị cáo Đ mặc dù chưa có tiền án tiền sự nhưng sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn cơ quan công an đã ra Quyết định truy nã và bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã.

[4.2]. Tình tiết giảm nhẹ chung quá trình điều tra, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo(điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015). Ngoài ra bị cáo Đ có thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1,2 Điều 51BLHS 2015 đó là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có thời gian phục vụ

trong quân ngũ. Bị cáo D sau khi phạm tội đến cơ quan công an đầu thú tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

[4.1]. Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, thì việc cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian là cần thiết, như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc xe mô tô Honda Vision BKS 36B4 – 0347.92 trị giá 19.000.000đ bị cáo D chiếm đoạt của chị T và chị H hiện nay cơ quan công an đã thu hồi và trả cho chị T và chị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên công nhận bị hại đã nhận đủ tài sản.

Đối với xe mô tô Honda Wave anpha BKS 36K5 – 127.35 trịgiá 14.400.000đ các bị cáo D và Đ chiếm đoạt của chị Hoàng Vũ Băng B hiện nay không thu hồi được, bị hại yêu cầu các bị caó phải có trách nhiệm bồi thường là có căn cứ, vì vậy áp dụng Điều 589 BLDS buộc bị cáo D và Đ phải liên đới bồi thường cho chị Băng B, cụ thể theo phần D bồi thường 10.000.000 đồng, Đ bồi thường 4.400.000 đồng.

Đối với tài sản bị cáo D chiếm đoạt cuả anh Tống Văn P gồm Xe mô tô Honda Wave RSX BKS 36B3 – 079.58 trị giá 15.000.000đ; 01 máy tính laptop Dell trị giá 7.000.000đ. tiền mặt 2.000.000 đồng Tổng trị giá 24.000.000 đồng. Nay anh P yêu cầu bị cáo D phải bồi thường cho anh là có căn cứ buộc bị cáo D phải bồi thường cho anh P trị giá tài sản thành tiền 24.000.000 đồng.

Đối với 01 ví da, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Tống Văn P, 01 đăng ký xe mang tên Tống Văn K có giá trị không lớn nên P không yêu cầu bồi thường.

[6] Đối với vật chứng: Chiếc Vam phá khóa do D tự chế dùng làm công cụ phạm tội,sau khi trộm cắp xe xong D đã vứt trên đường không nhớ ở đâu nên không thu giữ được.

Hai biển số xe mô tô 36K5 – 127.35, 36B3- 079.58 sau khi trộm cắp được xe mô tô, D đã tháo biển số ném ở dọc đường, nhưng D không nhớ ném ở đâu do đó không thu hồi được.

Đối với chiếc xe không biển số Đ dùng để chở D đi trộm cắp tài sản là xe của khách sửa ở quán của T2 sau đó khách đã lấy T2 do lâu ngày T2 không biết của ai nên không thu hồi xử lý được.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a,c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS 1999; điểm s khoản 1,2 Điều 51;điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS 2015(Đối với Trần Trọng D). Khoản 1 Điều 138 BLHS 1999; điểm s,i khoản 1,2 Điều 51BLHS 2015(đối với Chu Đình Đ), Điều 38; Điều 58BLHS 2015sửa đổi năm 2017 ; Điều 589; 357 BLDS; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Trọng D và Chu Đình Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: 1. Bị cáo Trần Trọng D 48 (Bốn mươi tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 20/4/2018.

2. Bị cáo Chu Đình Đ 09(Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 25/5/2018.

Về trách nhiệm dân sự: - Công nhận bị hại chị Bùi Thị Phương T và chị Nguyễn Thị H đã nhận đủ tài sản.

Buộc các bị cáo D và Đ liên đới bồi thường tài sản cho chị Hoàng Vũ Băng B với số tiền 14.400.000 đồng cụ thể theo phần D bồi thường 10.000.000 đồng, Đ bồi thường 4.400.000 đồng.

Bị cáo D phải bồi thường cho anh Tống Văn P trị giá tài sản 24.000.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực anh P, chị Băng B có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan THA có quyết định thi hành nếu các bị cáo chậm thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền bồi thường nói trên, thì phải chịu lãi suất theo Điều 357 BLDS

Về án phí: Bị cáo D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.700.000 đồng án phí DS,

Bị cáo Đ phải chịu phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí DS,

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo, người bị hại có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt